CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Giống Bò sữa Mộc Châu

Ngày 31/03/2025	31,650 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.9%	**-9.2%**	**-**

DT thuần
Q1/25
591
tỷ VNĐ
QoQ: ▼152| -20.4%
YoY: ▼34.0| -5.4%

LN thuần
Q1/25
56.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼21.3| -27.5%
YoY: ▼3.00| -5.0%

LN sau thuế
Q1/25
47.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼31.6| -39.8%
YoY: ▼2.20| -4.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
9.4%
YoY: +/-▼ 1.4%

ROE (TTM)
Q1/25
9.6%
YoY: +/-▼ 0.3%

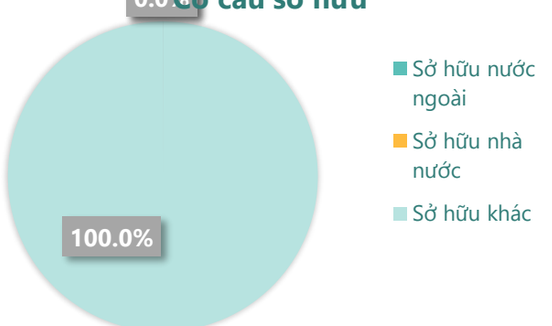
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,482
Số lượng CPLH (CP)	110,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	26,350
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.17
EPS	2,056
P/E	15.4

DT thuần
2024
2,917
tỷ VNĐ
YoY: ▼218| -7.0%

LN thuần
2024
254
tỷ VNĐ
YoY: ▼169| -40.1%

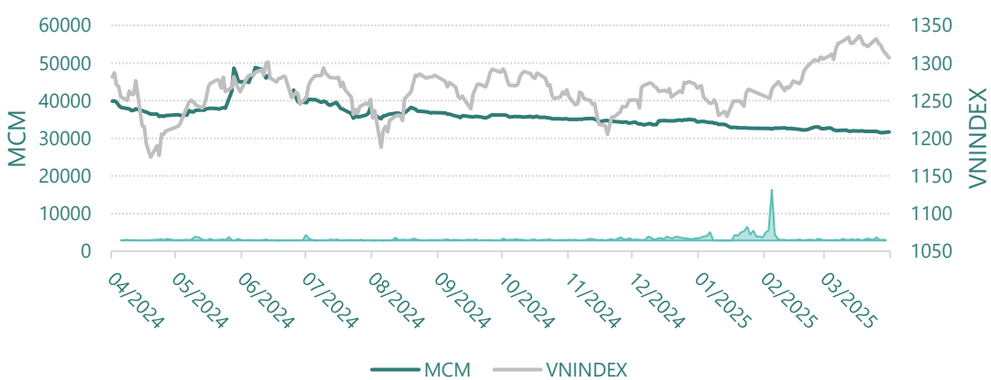
LN sau thuế
2024
220
tỷ VNĐ
YoY: ▼154| -41.3%

Cơ cấu sở hữu

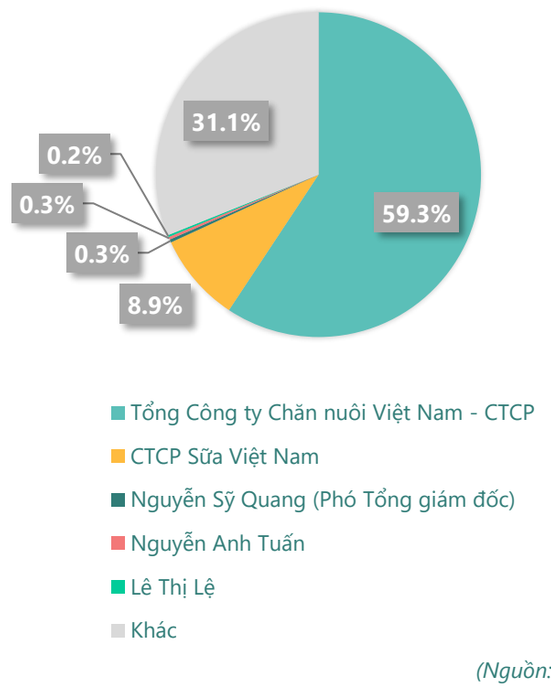


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



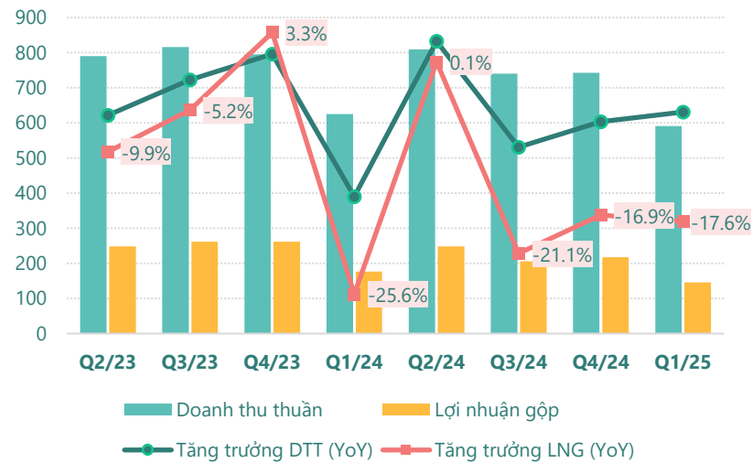
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

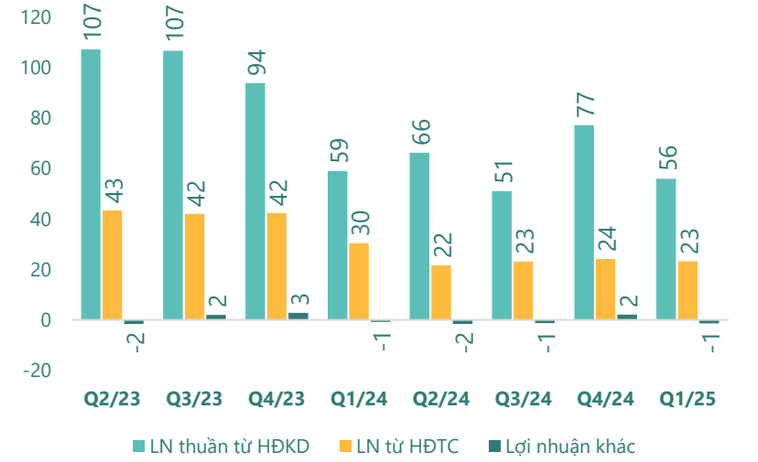
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



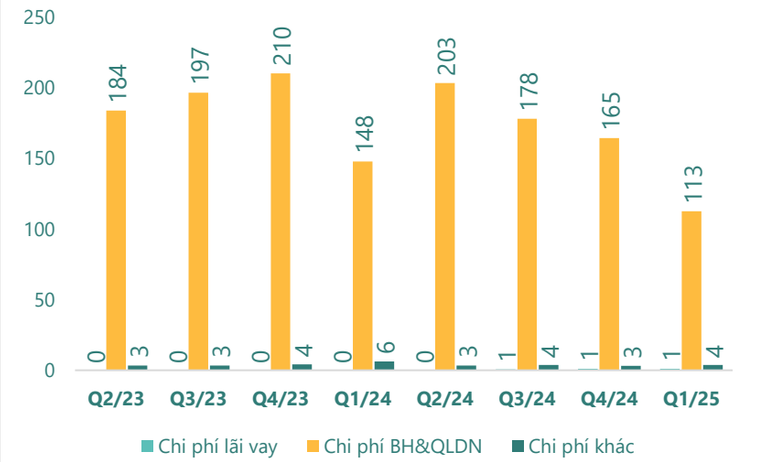
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



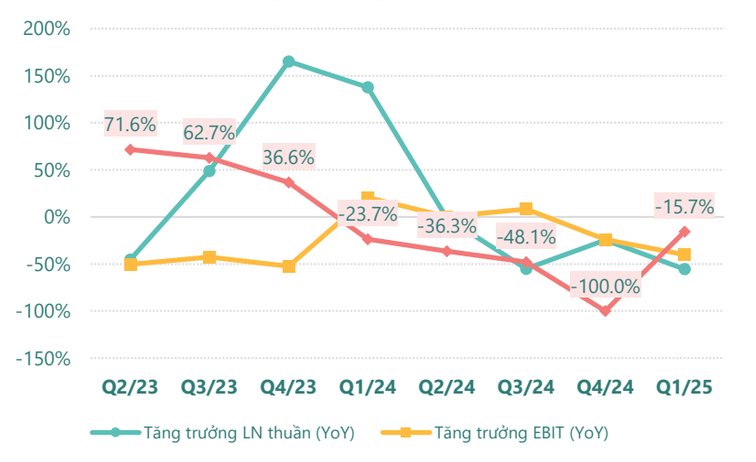
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



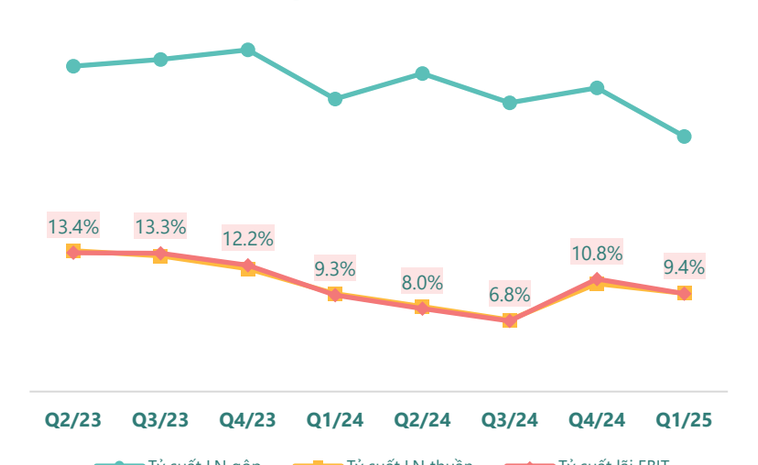
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



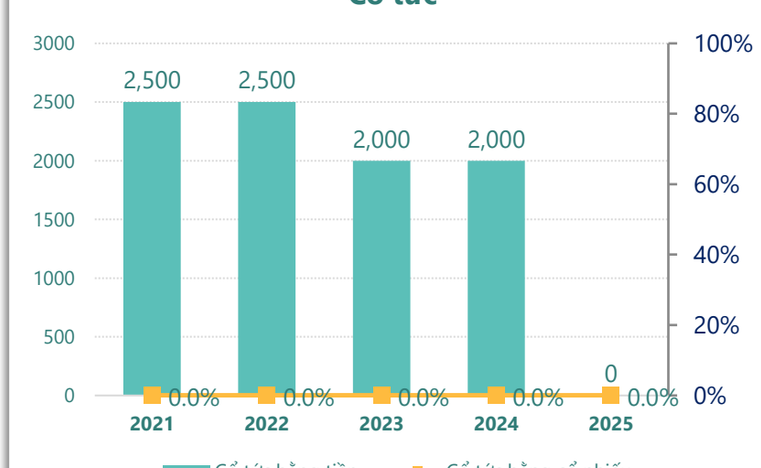
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

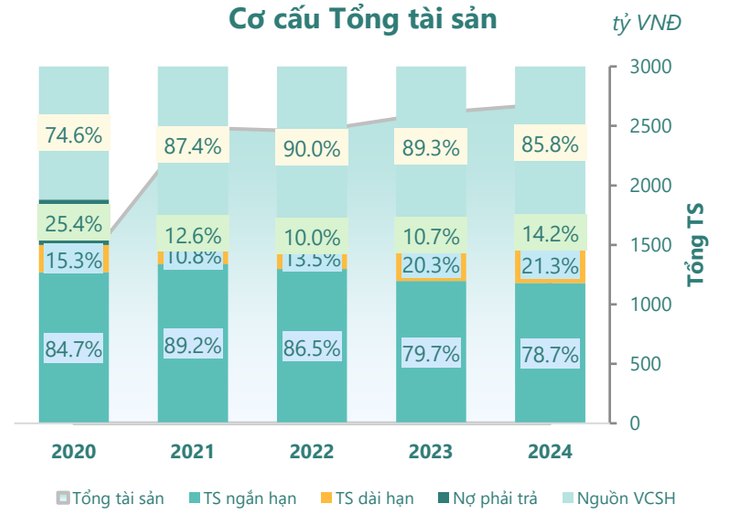
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

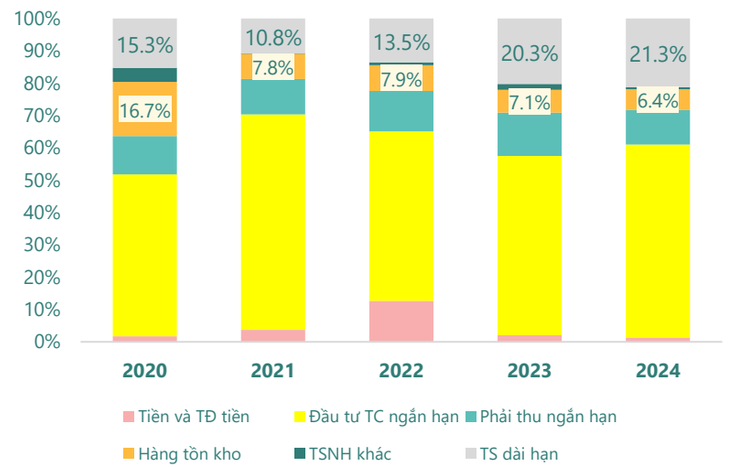
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



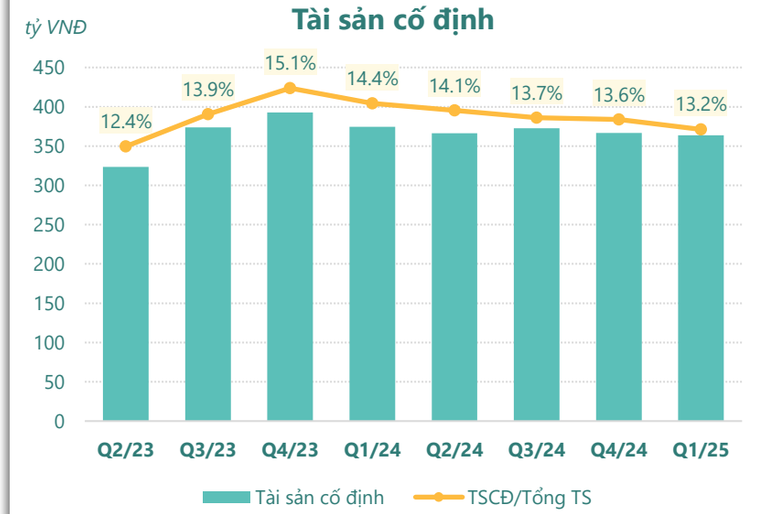
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



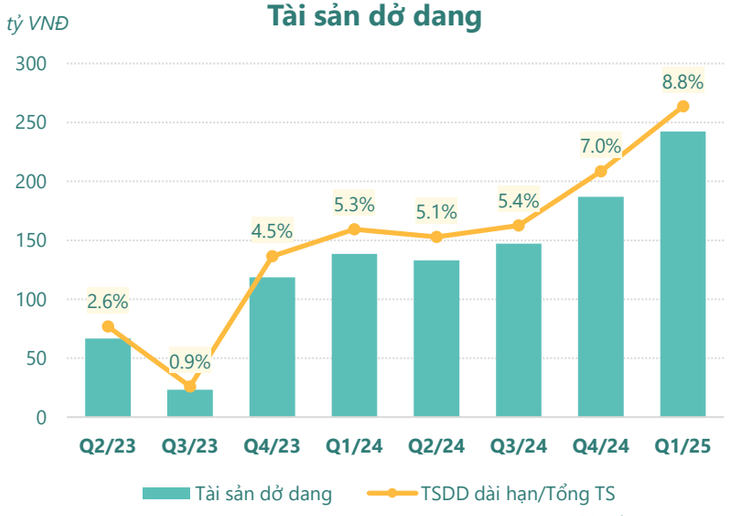
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



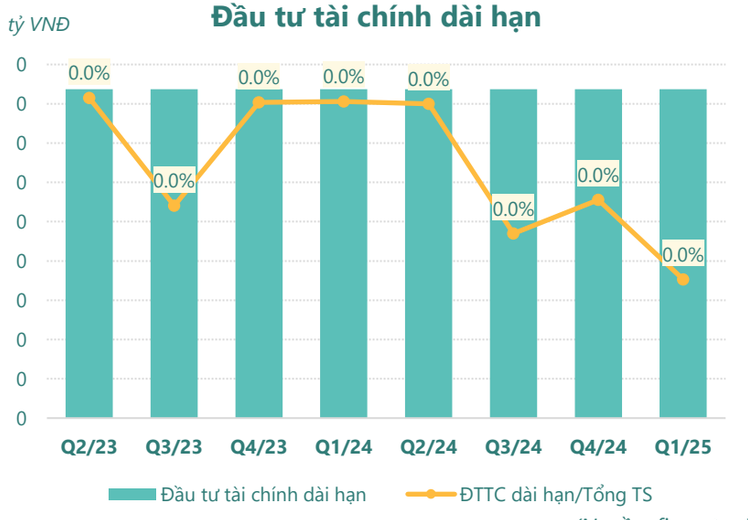
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



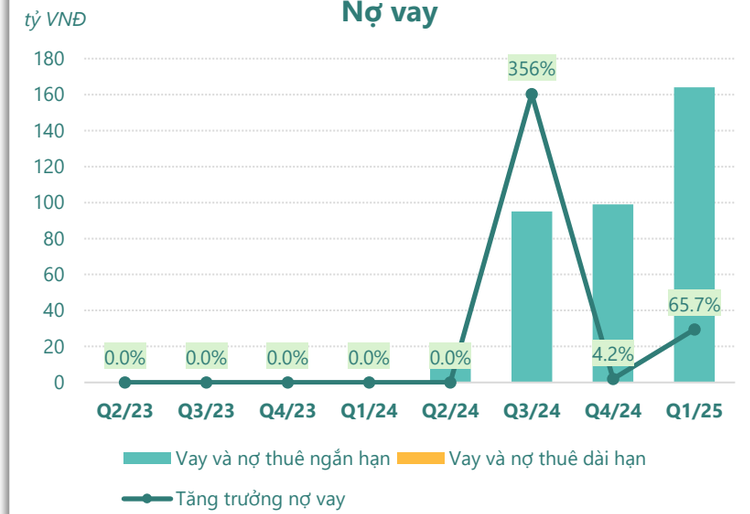
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

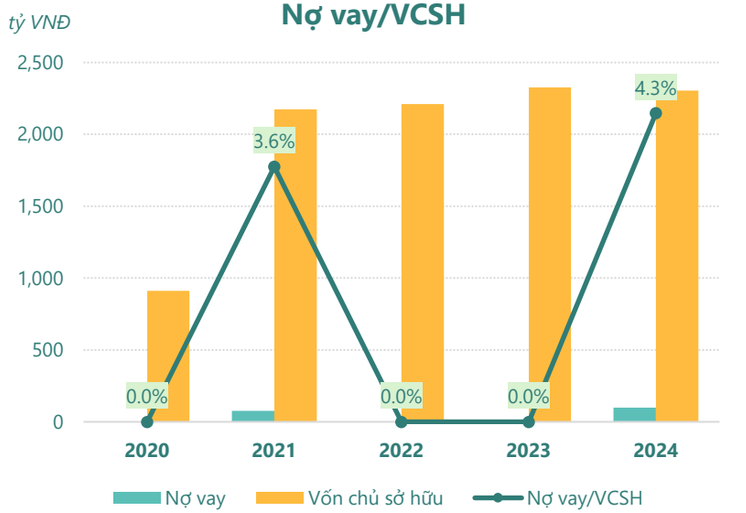
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

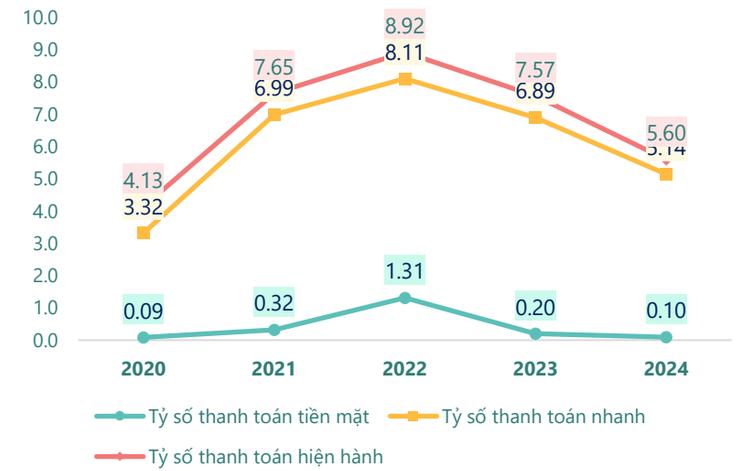
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



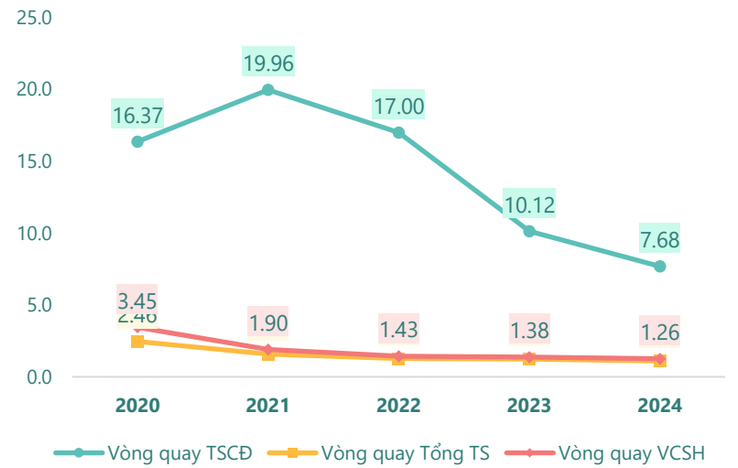
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



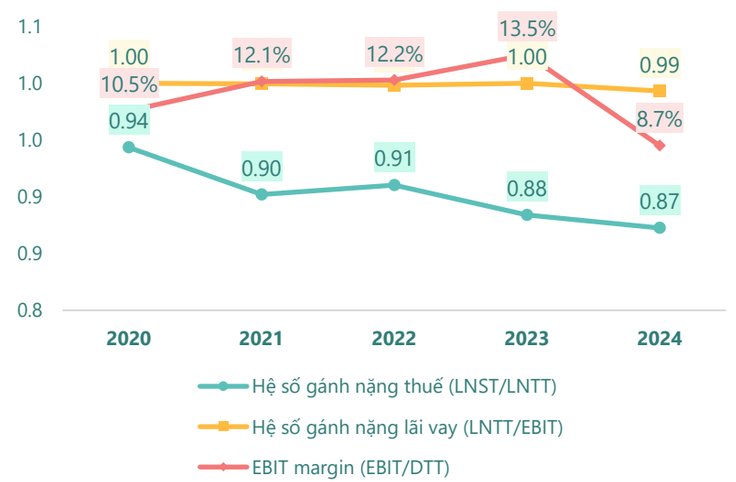
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



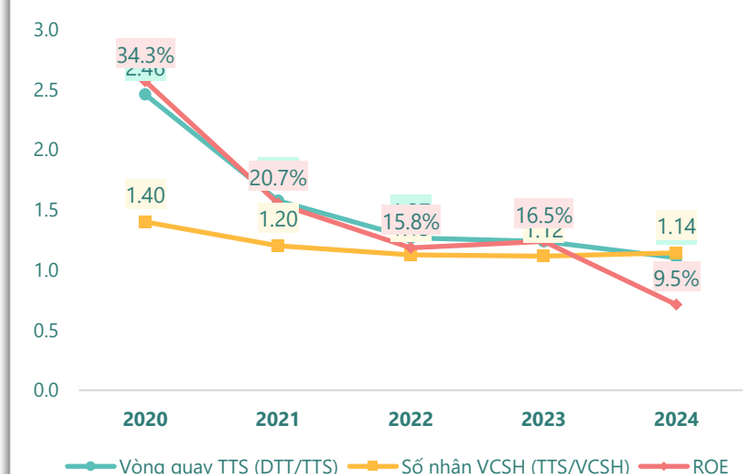
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



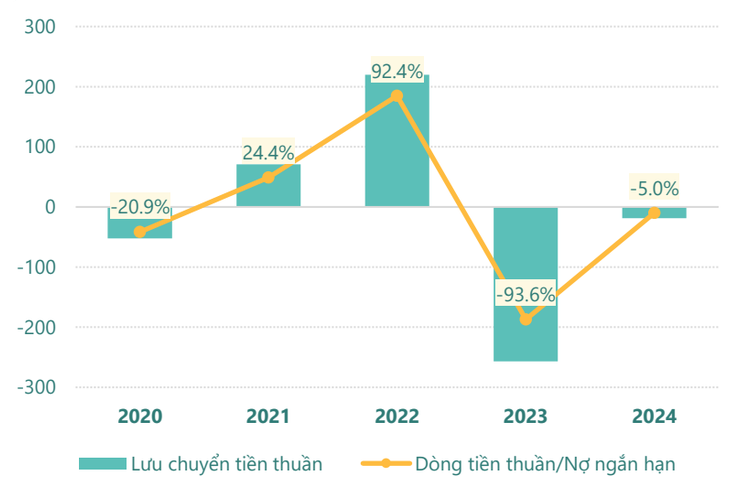
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**591**	**625**	**-5.4%**	**2,917**	**3,135**	**-7.0%**
Giá vốn hàng bán	446	449	-0.7%	2,068	2,127	-2.7%
Lợi nhuận gộp	145	177	-17.8%	849	1,009	-15.9%
Doanh thu HĐTC	24.5	30.4	-19.4%	101	162	-37.6%
Chi phí TC	1.28	0.00		1.90	0.88	115%
Chi phí lãi vay	1.17	0.00		1.73	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	102	139	-26.4%	657	709	-7.3%
Chi phí QLDN	**10.3**	**8.76**	**18.1%**	**37.1**	**37.9**	**-2.0%**
LN thuần từ HĐKD	56.0	59.0	-5.0%	254	423	-40.1%
Lợi nhuận khác	**-1.35**	**-0.84**	**-60.6%**	**-1.65**	**0.30**	**-642%**
LN trước thuế	54.7	58.1	-5.9%	252	424	-40.5%
Lợi nhuận sau thuế	**47.8**	**50.0**	**-4.5%**	**220**	**374**	**-41.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**47.8**	**50.0**	**-4.5%**	**220**	**374**	**-41.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.6	-42.6	74.6	83.5	80.6	-9.67
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-84.6	45.4	11.3	-161	10.4	-17.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-110	0	-89.2	74.2	-106	65.0
Tiền đầu kỳ	236	55.2	58.0	54.7	51.3	36.3
Lưu chuyển tiền thuần	**-181**	**2.74**	**-3.29**	**-3.40**	**-15.0**	**38.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0
Tiền cuối kỳ	55.2	58.0	54.7	51.3	36.3	74.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,756**	**2,687**	**2.6%**
Tài sản ngắn hạn	2,135	2,115	0.9%
Tiền và tương đương tiền	74.5	36.3	105%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,605	1,603	0.1%
Phải thu ngắn hạn	206	287	-28.2%
Hàng tồn kho	239	172	38.7%
Tài sản ngắn hạn khác	10.2	16.2	-37.0%
Tài sản dài hạn	**622**	**572**	**8.7%**
Phải thu dài hạn	0.09	0.09	0.0%
Tài sản cố định	364	367	-0.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	242	187	29.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.08	0.08	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**15.4**	**18.2**	**-15.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	408	381	7.0%
Nợ ngắn hạn	**404**	**378**	**7.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	164	99.0	65.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	160	165	-2.7%
Nợ dài hạn	3.85	3.88	-0.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,348**	**2,305**	**1.9%**
Vốn chủ sở hữu	**2,348**	**2,305**	**1.9%**
Vốn điều lệ	1,100	1,100	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)